

GIÀO DỤC - NÀO TẠO VỚI PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NÀO TẠO TẠI HỌC VÙNG NÔNG BANG SÔNG CỬU LONG TRONG HỘI NHẬP

TRƯỜNG THÙ HIỆM (*)

Nông bang Sông Cửu Long (ÑBSCL) là một trong những nông bang lớn của khu vực Đông Nam Á là vùng sản xuất, xuất khẩu lương thực, vùng cây ăn trái nhiệt đới lớn nhất Việt Nam; là vùng kinh tế quan trọng nối với Nam Bộ và các nước trong phát triển kinh tế - xã hội. ÑBSCL có lợi thế về tài nguyên đất đai, sông ngòi, biển và thềm lục địa, dân số khoảng 17,21 triệu người với cơ cấu dân số vàng. Tuy nhiên, mặt bằng học vấn của dân cư thấp, lao động qua đào tạo chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lao động xã hội, hiện ÑBSCL có đến 85,67% lực lượng lao động chưa qua đào tạo; trong số lao động đã qua đào tạo thì chỉ có 0,65% có bằng cấp, 1% có bằng nghề, 0,48% có bằng sơ cấp, 2,39% có bằng THCN, 2,57% có bằng cao đẳng, đại học và sau đại học (xếp thứ 8 trong 8 vùng kinh tế các nước) và 7,24% có qua đào tạo không có bằng cấp bằng cấp. Trong bối cảnh hiện tại, chất lượng đào tạo trình độ đại học vùng ÑBSCL còn thấp so với các khu vực khác trên các nước vì những lý do sau:

Thứ nhất, chất lượng giảng viên và sinh viên thi tuyển vào thấp. Các trường đại học ở khu vực này chủ yếu tập trung ở thành phố Cần Thơ, các tỉnh khác thì phần lớn các trường dân lập

hoặc nước cấp cao đang lên đại học nên chất lượng giảng viên chưa đồng đều, chưa đạt chuẩn. Chất lượng đầu vào của sinh viên cũng thấp vì nguồn sinh viên chủ yếu là thi không đủ các trường thuộc khu vực khác nên mới chấp nhận vào thi tại ÑBSCL vì điểm chuẩn rất thấp.

Thứ hai, cơ sở vật chất của các trường đại học và cao đẳng ở khu vực này chưa đáp ứng yêu cầu. Hiện tại, do nhiều kiến kinh phí khó khăn, hầu hết các trường trong khu vực này cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên từ giảng đường, phòng học cho đến sách vở thiết bị, phòng thí nghiệm...

Thứ ba, trong các khối chung của cơ chế "nền bao cấp", các trường đại học và cao đẳng khu vực này cũng chưa được tối ưu về giáo dục, nghĩa là phải theo cơ chế chung của các trường đại học trong các nước. Đây là vấn đề mà các trường đại học nên làm cho các trường không tối ưu về chi phí, phòng thí nghiệm, tuyển sinh, công trình và nội dung đào tạo... cho phù hợp với các trường ÑBSCL nhỏ: thông thường đầu vào không đạt chất lượng cao thì đầu ra; đào tạo theo nhu cầu thực tiễn, tuyển sinh số lượng nhiều nối với các ngành nông nghiệp, sơ phẩm, y tế.

Thứ tư, giáo trình và công trình đào tạo chưa đạt chuẩn và chưa phù hợp với yêu cầu thực

(*) PGS.TS. Hiệu trưởng Trường Cần Thơ TP.HCM, Tổng biên tập Tạp chí Phát triển nhân lực

tiên, còn nhiều hạn chế. Hiện nay, giải trình nội dung giảng dạy chủ yếu nội dung biên soạn từ thập niên 90 của thế kỷ trước, các chương trình giảng dạy cũng lạc hậu so với xu thế hội nhập quốc tế.

Thời nay, các trường Nại học khu vực NBSCC chủ yếu tập trung vào nhiệm vụ giảng dạy, còn nghiên cứu khoa học thông nội dung xem lại việc của các viên nghiên cứu; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phần nào còn bỏ xem nhẹ ngay cả nơi với giảng viên chồi chĩa nơi tới sinh viên. Gần đây, công tác nghiên cứu khoa học tuy còn nội dung chủ yếu tăng cường trong các trường Nại học, nhưng các nhà tài trợ nội dung nghiên cứu vẫn hạn chế cả về mặt số lượng lẫn chất lượng. Kinh nghiệm của các trường Nại học danh tiếng trên thế giới cho thấy hội phát triển mạnh mẽ nội dung nhờ vào chính sách nhà nước công tác nghiên cứu khoa học.

Thời sau, cũng giống như nhiều trường Nại học khác ở Việt Nam, các trường Nại học NBSCC đang làm vào tình trạng khép kín. Trước hết là khép kín với môi trường xã hội bên ngoài, sau đó là khép kín với các cơ sở đào tạo nội dung khác, nhất là các trường nội dung, các Viện nghiên cứu nội dung ngoài. NBSCC là vùng nông nghiệp trong nhiệm vụ của các nội dung những trường Nại học vùng NBSCC vẫn chưa thể hiện nội dung vai trò quan trọng hàng đầu của mình trong việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, trong việc góp phần giải quyết những vấn đề của nông dân. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các trường Nại học vẫn chưa gắn bó với hoạt động sản xuất trong môi trường xã hội của khu vực. Việc liên kết trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với các trường Nại học quốc tế vẫn còn khai thác hạn.

Thời bây, giống như nhiều trường Nại học khác trên các nội dung, Nại học NBSCC cũng làm vào tình trạng môi trường quy mô đào tạo bất hợp lý. Hình thức đào tạo không chính quy, hệ đào tạo tài chính thông còn quy mô gặp nhiều lần hệ chính quy tập trung trong khi chất lượng đào tạo lại không nội dung năm nào. Chính vì vậy, nhà dân nên tình trạng các nội dung và khi tuyển dụng nhân sự, thông tin ngoài khi nhân sinh viên tới nghiệp Nại học hệ tài chính vào làm việc.

Từ các lý do trên, chúng tôi đề xuất những giải pháp cơ bản như sau:

Trước tiên, những giải pháp mang tính vĩ mô

- *Thời nhất*, nhà nước công tác quản lý nhà nước nội dung với giải quyết nội dung hoặc theo hướng phân cấp quản lý mạnh mẽ giao quyền tới chủ thể chịu trách nhiệm cho các trường. Nhà nước chỉ ban hành thể chế chính sách và thanh tra, kiểm tra; tăng cường công tác xây dựng và ban hành các chính sách phù hợp và triển khai thực thi các chính sách, thể chế một cách có hiệu quả. Nội dung quan trọng phải có chức năng kiểm tra, thanh tra việc thực hiện một cách nghiêm ngặt. Thực tế hiện nay, có ý kiến cho rằng chất lượng đào tạo trình độ nội dung hoặc phụ thuộc vào chất lượng giảng viên. Nội dung này, theo chúng tôi chỉ nên một phần. Chúng tôi đồng ý với quan niệm của GS Nguyễn Cảnh Toàn: "Quản lý quyết định chất lượng giáo dục", vì quản lý nhà nước nội dung với chất lượng đào tạo trình độ nội dung hoặc gồm 4 vấn đề cơ bản: (1) thể chế và giáo dục nội dung; (2) tài chính, bồi dưỡng giáo dục nội dung; (3) nguồn nhân lực giáo dục nội dung; (4) tài chính công nội dung với giáo dục nội dung. Trong các vấn đề này, nguồn nhân lực, trong nội dung giảng viên, chỉ là một bộ phận nhỏ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nội dung, muốn nâng cao chất lượng giáo dục nội dung cần phải thực hiện những bộ phận 4 vấn đề trên. Nội dung thời gian có quan trọng quyết định xây dựng bộ tiêu chí nhân lực chất lượng giáo dục nội dung. Đây là chuẩn mực bắt buộc hệ các trường phải đạt "chuẩn về chất lượng".

- *Thời hai*, cần bố trí những cán bộ có năng lực, có tâm huyết (có tâm, có tâm) vào bộ máy quản lý giáo dục - đào tạo ở tất cả các cấp. Giáo dục là "quốc sách hàng đầu". Vì vậy, toàn bộ hệ thống chính trị phải nóng lòng, nóng tâm trong thực thi quốc sách này.

- *Thời ba*, nhà nước phòng thực thi tuyển dụng áp dụng hình thức nào vào môi trường, thông thoáng; tăng cường chất lượng nhân ra. Hiện nay, trên thế giới nhà áp dụng phòng pháp này vì là phòng pháp tạo nên kiến thức tranh bình đẳng, lâu dài và thực sự nhằm nên chất lượng nhân ra. Đây là cơ chế nhằm không các tiêu chí nhân ra phải rõ ràng và nội dung xác định suốt quá trình học tập của sinh viên. Với thực tế hiện nay, các trường nội dung ở vùng NBSCC cần phải như sau trong việc tài chính thực hiện cơ chế này.

- *Thời tư*, giảm bớt chất lượng giáo dục nội dung

học: Đây là giải pháp mang tính vô mô của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở những chuẩn mực của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các trường sẽ ban hành bộ tiêu chuẩn phù hợp tiêu chuẩn chung và các thuộc của từng trường nên tôi giảm như, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ giảm như các trường khi cần thiết. Nhiều cách lại quy mô đào tạo hệ tại các cơ sở ngoài lý so với các tiêu chuẩn chính quy trong thời gian, kiểm tra, giảm sút các giáo viên dạy học. Áp dụng chung chuẩn này ra ngoài các trường hệ đào tạo ở các trường.

- *Thời nam*, trong trên quan niệm hệ thống nên phân tích chúng ta thấy rằng tôi bản thân ngành giáo dục này học không thể nâng cao chất lượng nếu toàn bộ hệ thống giáo dục không nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Ví dụ: Một học sinh 12 năm học phải thông thạo hết kiến thức và phương pháp học tập, nghiên cứu, hướng tiếp cận và nếu thì không thể yêu cầu ngành này học trong 4 – 5 năm biến em nhỏ thành một sinh viên tại năng, có kiến thức hệ thống toàn diện. Do vậy, rất cần thiết và quan trọng là nâng cao chất lượng giáo dục của tất cả các bậc học từ mẫu giáo đến hệ phổ thông.

- *Thời sau*, Engels nói: Một thế hệ con cháu chúng ta, đào tạo hơn 10 trường học. Không hiện tại hệ thống thế hệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo về số lượng, và nghe nói về tài liệu. Do nội Bộ (Chính phủ) cần quy hoạch phát triển hệ thống thế hệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nâng cao dân trí.

- *Thời bây*, nhiều kiến thức hiện, nhà - kinh tế của Bộ Giáo dục rất khác biệt so với những vùng của các nước. Vì vậy, phát triển giáo dục - đào tạo, ở đây cần phải có cơ chế chính sách các thuộc phù hợp. Ví dụ, việc này lại rất khó khăn (như việc mua sắm, mua sắm...). Cho nên, bố trí hệ thống trường, lớp các cấp phải làm theo các hệ thống kiến thức lỗi cho học sinh, sinh viên nên trường học tập.

- *Thời tam*, dù thời chính sách xã hội của giáo dục, tăng cường liên kết các nhà trường và ngoài của giáo dục - đào tạo, không cần phải khác như rõ ràng quan niệm và các nhà trường trong nhiều hành động Nhà nước trong vai trò chính trong nhà trường phát triển giáo dục - đào tạo. Do

vậy, Chính phủ cần nhà trường nâng cao nguồn lực cho phát triển giáo dục - đào tạo vùng Bộ Giáo dục.

- *Thời chín*, chúng ta nói nói nhiều, bản nhiều nên giáo dục Bộ Giáo dục không nên thời nên này, giáo dục - đào tạo Bộ Giáo dục và Đào tạo của các cơ sở chuyên biến nâng cao. Do nội nên ngành Chính phủ nên có chiến lược nhà trường phát triển giáo dục - đào tạo Bộ Giáo dục nên năm 2025 tầm nhìn 2030.

- *Thời mười*, xây dựng cơ chế phối hợp, hợp tác giữa nhà trường, cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp.

- *Thời mười một*, cần ban hành cơ chế chính sách tuyển dụng, trả lương bồi dưỡng người lao động theo hướng khuyến khích mọi người học tập nâng cao trình độ. Nội các khác, các nhà trường vùng Bộ Giáo dục cần phối hợp với nhau nên cùng xây dựng chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong nội dung của chiến lược này bao gồm: giáo dục - đào tạo, thu hút và bồi dưỡng người lao động.

Hai là những giải pháp mang tính vĩ mô của thế

- *Thời nhất*, nói môi trường pháp dạy và học trong trường này học: Đây là vấn đề trong công tác các nhà khoa học giáo dục và các nhà xã hội luận quan tâm. Hơn nữa, khi chúng ta học nhập thức số, một số phương pháp giảng dạy môi sẽ phải nói môi trên cơ sở kiểm chứng của chính người dạy, người học và các cơ quan quản lý giáo dục. Hiện tại, việc dạy học bằng cách sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin như dạy bằng Powerpoint nâng cao và tốt, tuy nhiên, các nhà giảng viên trình độ và kỹ thuật không thể hiện phương pháp này, hoặc là giảng viên truyền tải bài giảng và bài tập, nên tài liệu luận, luận văn cho sinh viên hoàn toàn bằng email, nhờ vậy nói nói toàn bộ giảng viên và sinh viên phải có máy tính truy cập Internet thông xuyên. Trong nhiều kiến thức số và chất về công nghệ thông tin ở các trường này học ở vùng Bộ Giáo dục thì cần phải nhập ý cầu này vì giảng viên dạy theo công nghệ môi, sinh viên chép bài theo công nghệ bài giảng kiểu cũ các khác nhau là không phải là việc chép hoàn toàn không xét về bản chất thì cũng không tốt.

- *Thời hai*, thu hút nguồn nhân lực giảng viên từ các vùng khác và ngoài: Hiện nay, xét

trên bình diện chung, giảng viên của các trường nàh hoc ôi vung ÑBSCl thì chóa ñuôi ñap òng yeu cầu thóc tiến trong xu thế hói nháp. Do vậy, cần thiết phải có chính sách ñáí ngoài thóa ñáng, thu hút giảng viên tòi ñóí khác ñéin.

- *Thòi ba*, tăng cường tính liên thông quốc tế trong giáo dục ñáí hoc, tăng cường sòí hóp tác, trao ñóí, liên kết ñáp tác với ñóóí ngoài (thanh giáng với giảng viên ñóóí ngoài – “visiting fellowship”); Sinh viên phải ñóóí tiếp cần giảng viên ôi nhiều ñóóí khác nhau ñéa có ñéi nhiều kiến tiếp nhận nhiều cách thóc giảng dạy khác nhau. Gia nhập Tổ chức thóc mại thế giới (WTO) ñó la yeu tòi tiến phong cho việc tăng cường tính liên thông quốc tế trong giáo dục ñáí hoc. Chúng ta có thể ñi ñi lại vài thập niên tróóí ñây, giáo dục ñáí hoc ñóóí ta chủ yeu chéa bồi hóp trong ñóí dung chócng trình của Bộ giáo dục - ñáp tác ban hành, chóa có sòí liên thông trong ñáp tác, việc gán kết trong và ngoài ñóóí, ñéu có chéa la hiém hoi. Hién tại, khi gia nhập WTO, các chócng trình liên thông (keá cái ñóí dung và hình thóc ñáp tác) ñóóí môi trường và ñáí ñáng hoiá.

- *Thòi tòi*, tổ chức biên soạn lại hệ thống chócng trình và giáo trình giảng dạy vì muốn ñáng cao chất lượng ñáp tác trình ñóí ñáí hoc ôi khu vực này phải có sòí thay ñóí về chất ñóí với giáo trình, chócng trình giảng dạy. Mói cái chuyén gia ñáí ngành biên soạn lại giáo trình; tham khảo ý kiến các chuyén gia ñóóí ngoài; mói thêm các giáo sò, tiến sò hoc ñóóí ngoài về công tác viết giáo trình, xây ñóíng chócng trình hoc tập, giảng dạy...

- *Thòi ñám*, tăng cường việc nghiên cứu khoa hoc trong nhà trócng; tòi trong sòí lóa chón ñóíng ñéa tại nghiên cứu khoa hoc của sinh viên. Nếu ñóóí giảng viên biết tòi trong sòí lóa chón ñéa tại của sinh viên thì chắc chắn sinh viên sẽ có tinh thần phấn ñáí ñéa tiếp tục nghiên cứu, tìm tòi ñéa báo về quan ñéim của mình ñóá ra.

Vói quan ñéim mói về giáo dục trong cách thóc giảng dạy và nghiên cứu, sinh viên sẽ ham hoc hoi ñón, tìm tòi ñón trong nghiên cứu khoa hoc. Tính thóc tiến của công tác giảng dạy ñóóí ñáng cao, tác ñóíng lóc thóc ñáí ñóóí hoc nghiên cứu khoa hoc òng dung thóc tế tránh xa kiểu hoc thuật mang ñáng tính lý thuyết ñóóí hién nay

- *Thòi sáu*, ñáí mạnh việc ñáp tác, ñáp tác lại nguồn giảng viên: ñóí ñóóí giảng viên phải tòi ñóí mói mình, cập ñát kiến thóc khi giảng dạy, ñáng cao kiến thóc, kỹ năng sò phạm ñéu không muốn bò tuit háu. Tòi ñáí ñéa này, chất lượng giáo dục ñáí hoc tòi ñóí sẽ ñéi nhiều chéa và ñáng cao theo quy luật tòi ñéi.

- *Thòi bảy*, tăng cường ñáí tòi có sòí và chất, trang thiết bị giáo dục ñáí hoc ôi các trường ñáí hoc ôi vung ÑBSCl. ñáí la mói và ñéa quan trọng, vì ñóí la tiến ñéa quan trọng thóc ñáí việc ñáng cao chất lượng ñáp tác trình ñóí ñáí hoc vung ÑBSCl. Mói thóc tế ñáng buón la các trường ñáí hoc tòi ñéi, kỹ thuật ôi các trường ñáí hoc ôi vung ÑBSCl ñáí chày, hoc chày do thiếu trang thiết bị giảng dạy, ñáí biết la ñóóí cấp Internet và ñung cui thí nghiệm, mói công cui tòi giúp ñáí lóc ñát cho việc ñáng cao chất lượng giáo dục. Hy vọng trong xu thế hói nháp, với sòí quốc tế hóa giáo dục ñáí hoc, các trường ñáí hoc vung ÑBSCl sẽ có ñóí ñéi ñéa tòi khác phục ñóóí yeu ñéim này.

- *Thòi tám*, ôi phạm vi nhà trócng, mói trócng phải tòi xác ñéim ñóóí trách ñéim của mình tróóí xói hóí ñéa ñáng ñóíng, chủ ñóíng tìm ra cách thóc, giải pháp ñáng cao chất lượng giáo dục - ñáp tác.

- *Thòi chín*, thí ñéim sau ñóí tiến tòi môi trường có che ñát hàng giáo dục - ñáp tác ñéa hệ thống GDDT vung ÑBSCl thóc hién ñáp tác theo nhu cầu xói hóí và theo hệ thống ñón ñát hàng.

Thóc hién tòi các giải pháp trên, thiết nghĩ chất lượng ñáp tác trình ñóí ñáí hoc vung ÑBSCl sẽ ñóóí ñáng lên trong thói gian tòi./

